

Bản án số: 365/2022/HS-PT
Ngày 25-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng
Ông Phan Nhật Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2022/HSPT ngày 07 tháng 01 năm 2022. Do có kháng cáo của bị cáo Lâm Kiều P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HSST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lâm Kiều P**, sinh năm 1985 tại thành phố C, tỉnh C

Nơi cư trú: Số 150, L, Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 07/12; D tộc: Kinh; giới Th: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Hoàng V và Đinh Thị H; chồng: Võ Hoàng T, con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không. Bị Cầm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2019 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Quang V – Luật sư của Công ty Luật TNHH Đ thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

(Trong vụ án còn có bị hại là Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh C, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lâm Trung T người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thủy D không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Kiều P và bà Nguyễn Thị L (mẹ chồng của P) cùng cư trú tại nhà số 150, L, Khóm 2, Phường 1, thành phố C. Đất và tài sản gắn liền trên đất là của bà L, do bà L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (Giấy CNQSD). Do nợ tiền nhiều người nên P nảy sinh ý định làm giả Giấy CNQSD để vay tiền Ngân hàng. Biết mình thuộc đối tượng Ngân hàng không cho vay tiền nên nhờ Trần Thúy D đứng ra vay tiền cho P vì D có cơ sở kinh doanh. P làm công tại tiệm Nail của D nên thân quen, từ đó P nhờ vợ chồng D đứng tên trên Giấy CNQSD nhà đất nơi P đang ở với tư cách là tài sản đó thuộc quyền sở hữu của vợ chồng D; P tự đi làm thủ tục chuyển tên cho vợ chồng D đứng tên, D đồng ý. D phô tô Giấy Chứng minh nhân dân của chị D và anh Thọ, sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đưa cho P.

Khoảng tháng 5/2019, P vào trAg nhận làm giấy tờ giả trên Facebook rồi điện thoại Quang ứng dụng Messenger với một người thanh niên không rõ nhân thân đặt làm giả Giấy CNQSD mAg tên Nguyễn Thị L trên Giấy CNQSD thể hiện bà L đã chuyển nhượng cho Trần Thúy D và Nguyễn Tấn T; Giá làm giấy tờ giả là 6.000.000đ.

Khoảng 01 tuần sau, P nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB518219 tên Nguyễn Thị L chủ sở hữu; mặt sau của giấy thể hiện bà L đã chuyển nhượng cho vợ chồng chị Trần Thúy D, anh Nguyễn Tấn T do một người thanh niên đến nhà giao và P đã trả tiền công 6.000.000đ. Ngày 18/5/2019, P đưa Giấy CNQSD này cho chị D để D liên hệ Ngân hàng vay tiền.

Ngày 21/5/2019, chị D đem Giấy CNQSD là Giấy giả đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh C (Viết tắt Ngân hàng Đ) gặp chị Trần Thúy A (nhân viên T dụng của Ngân hàng) để vay, chị A nhận hồ sơ và hẹn khoảng 01 tuần sau sẽ thông báo kết quả.

Ngày 24/5/2019, chị A cùng với anh Nguyễn Thành D (nhân viên thẩm định giá) đến căn nhà số 150, L, Khóm 2, Phường 1, thành phố C để thẩm định giá, kết quả thẩm định căn nhà và đất trị giá 1.948.000.000đ. Chị A thông báo cho chị D biết tài sản thế chấp vay được 1.350.000.000đ (70% trị giá tài sản thế chấp), hướng dẫn chị D chuẩn bị sẵn các giấy tờ (bản chính) khi nào chị A cho hay thì đem đến Phòng Công chứng số 1 để ký hợp đồng. Chị A tư vấn số tiền trên chia thành 02 gói vay. Gói vay thứ nhất hạn mức 1 tỷ trả lãi hàng tháng, vốn gốc trả 01 lần khi đến hạn; Gói vay thứ hai hạn vay 350.000.000đ trả lãi và vốn gốc hàng tháng; D đồng ý. Sau đó, D gọi điện thoại thông báo cho P biết số tiền Ngân hàng cho vay là 1.350.000.000đ và chia thành 02 gói vay, P đồng ý.

Ngày 28/5/2019, Ngân hàng phân Công Anh Trương V (nhân viên Ngân hàng) điện thoại kêu vợ chồng D đem các giấy tờ (bản chính) đến Phòng Công chứng số 1 để làm thủ tục vay tiền. Lúc này, anh Nguyễn Tấn T đang đi công việc nghe D gọi nên anh Đến Ngân hàng để cùng D làm thủ tục vì anh nghĩ D làm thủ tục để D vay tiền mà anh không hề biết việc làm của P và D về việc nhờ D vay tiền. Tại đây, anh Ý kiểm tra, đối chiếu giấy tờ giữa bản phô tô và bản chính thấy trùng khớp nên cho D và T ký vào Hợp đồng T dụng, phiếu

yêu cầu công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Sau khi xem hồ sơ thì Công chứng viên phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là giả nên trình báo Công An Phường 5 xử lý.

Kết luận giám định số 62/GĐ-2019 ngày 13/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công An tỉnh C, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BB518219, họ tên Nguyễn Thị L là giả.

Cáo trạng số 39/CT – VKS – P1 ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C truy tố bị cáo Lâm Kiều P về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ Quang, tổ chức*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh C đã tuyên xử:

Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 341; điểm a Khoản 4 Điều 174; Điều 15; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 và 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Kiều P phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ Quang, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Lâm Kiều P 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ Quang, tổ chức*” và 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được Th kê từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 14/12/2021, bị cáo Lâm Kiều P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử 01 tội danh (“*Sử dụng tài liệu giả của cơ Quang, tổ chức*” hoặc “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”). Trường hợp xét xử 02 tội danh thì bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lâm Kiều P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử và đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Quang V trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo P: Thống nhất về tội danh “*Sử dụng tài liệu giả của cơ Quang, tổ chức*”, không đồng ý với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Ngày 21/5/2019 bà D đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến Ngân hàng Seabank để vay. Nội dung vụ án cũng thể hiện khoảng tháng 5/2019, bị cáo P mới làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi đưa cho bà D ngày 18/5/2019 Tuy nhiên, khi cơ Quang điều tra có công văn số 604/PC01 ngày 10/12/2019 yêu cầu cung cấp

thông tin tài liệu liên Quang đến việc thẩm định tài sản thế chấp khi vay vốn, phiếu đề nghị cung cấp dịch vụ thẩm định giá của Ngân hàng Seabank gửi Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn và thẩm định giá T, trong đó có yêu cầu công ty T thẩm định giá tài sản là “Bất động sản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB518219 của khách hàng Trần Thúy D nhưng ngày gửi phiếu yêu cầu lại ghi ngày 18/4/2019 và ngày công ty T thẩm định giá xong là ngày 24/4/2019.

Bị cáo P đồng ý lời bào chữa của Luật sư, mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ Quan cảnh sát điều tra Công An tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Toà án nhân dân tỉnh C, Kiểm sát viên và Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ Quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ Quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp đối với cấp sơ thẩm.

[2]. Bị cáo P sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BB518219, đứng tên Nguyễn Thị L để vay tiền tại Ngân hàng Đ là giấy tờ giả. Giấy CNQSD đất này do P trực tiếp thuê đối tượng không quen biết trên mạng xã hội Facebook làm. P nhờ vợ chồng D đứng tên Giấy CNQSD và đứng ra thế chấp tại Ngân hàng vay tiền cho P vì vợ chồng chị D có giấy phép đăng ký kinh doanh, có nguồn thu nhập ổn định. Nhưng khi đưa Giấy CNQSD đất giả cho D, P không nói cho D biết là giấy tờ giả. D nhận lời giúp và đã mAg Giấy CNQSD đất giả đến Ngân hàng Đ làm thủ tục vay tiền được Ngân hàng đồng ý cho vay với số tiền 1.350.000.000đ.

Đồng thời, thực hiện theo lời yêu cầu của P, D đã mAg Giấy CNQSD đất giả đến thế chấp Ngân hàng Đ vay tiền. Tin tưởng Giấy CNQSD đất mà D cung cấp là giấy thật nên Ngân hàng chấp nhận làm thủ tục cho D vay với số tiền 1.350.000.000đ. Để được vay tiền thì cần phải có nhiều thủ tục, Ngân hàng tiến hành thẩm định tài sản thế chấp. Ngân hàng đã thông báo cho D và D đã thông báo cho P biết thời điểm Ngân hàng đến thẩm định. Khi Ngân hàng đến thẩm định P đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng thẩm định tài sản. Sau khi thẩm định xong, Ngân hàng đã xác lập Hợp đồng vay tiền và D đã ký Hợp đồng vay tiền. Như vậy, sau khi đưa Giấy CNQSD đất giả thì P đã tiếp

tục thực hiện nhiều hành vi lừa dối Ngân hàng thông Quang hành động của D để Ngân hàng lập các thủ tục vay để tiến hành giải ngân.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lâm Kiều P về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ Quang, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ Quang, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặt biệt nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, gây dư luận xấu trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình A ninh trật tự tại địa P.

[4]. Đơn kháng cáo của bị cáo nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[5]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo P, Hội đồng xét xử nhận thấy: cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối; Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền nên đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì hậu quả chưa xảy ra; Gia đình bị cáo có ông ngoại tham gia cách mạng và thương binh theo điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo chưa chiếm đoạt được số tiền 1.350.000.000đ nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại điều 15 của Bộ luật Hình sự, từ đó cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù là thỏa đáng.

[6]. Tại phiên tòa, bị cáo P không trình bày được tình tiết giảm nhẹ mới để Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ xác định hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Quang bà Trần Thúy D không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cập nhật biến động là không có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ vào lời khai của Trần Thúy D (bút lục 78-81, 446-447), Biên bản ghi lời khai của bị cáo P (bút lục 70-71, 448-449), Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm không điều tra, truy tố bà Trần Thúy D là bỏ lọt tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355; a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại. Do án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

[7]. Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên bị cáo P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C để điều tra và truy tố theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Bị cáo **Lâm Kiều P** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAD tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- Công An tỉnh C;
- Sở Tư pháp tỉnh C;
- Cục THADS tỉnh C;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh